

ĐỊNH DANH NHÂN VẬT - MỘT THỦ PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG SÁNG TÁC VĂN HỌC (QUA NGỮ LIỆU “BÁU VẬT CỦA ĐỜI” CỦA MẠC NGÔN)

Phạm Ngọc Hàm^{1,*}, Phạm Hữu Khương²

¹*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

²*Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Số 98, Dương Quảng Hàm, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 27 tháng 04 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 29 tháng 05 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 05 năm 2018

Tóm tắt: Nhân vật là trung tâm, cũng là linh hồn của tác phẩm văn học. Nhà văn trong quá trình phiêu thai đưa con tinh thần của mình, thường quan tâm đến việc định danh cho nhân vật. Tên nhân vật cũng là một trong những thủ pháp nghệ thuật góp phần thể hiện tư tưởng, nội dung của tác phẩm. Mạc Ngôn cho ra đời tác phẩm “Báu vật của đời” đã gây tiếng vang lớn trong văn đàn Trung Quốc và thế giới, trong đó có Việt Nam. Thế giới nhân vật trong “Báu vật của đời” với những cái tên đầy hàm súc, sâu sắc và ý vị, khiến độc giả phải suy ngẫm. Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích ngữ nghĩa, làm sáng tỏ đặc điểm tên gọi của hơn 20 nhân vật chính trong tác phẩm, góp phần khẳng định định danh nhân vật là một trong những thủ pháp nghệ thuật thể hiện tư tưởng nội dung tác phẩm và tài năng sáng tạo của tác giả.

Từ khóa: định danh, nhân vật, “Báu vật của đời”, Mạc Ngôn

1. Đặt vấn đề

Họ tên là kí hiệu ngôn ngữ dùng để khu biệt từng thành viên trong xã hội mà mỗi con người trong xã hội hiện nay đều có. Trong giao tiếp, họ tên thường là thông tin đầu tiên cần được truyền đạt tới người nghe, qua cái tên đó, đôi bên giao tiếp có thể bước đầu xác định được vị thế xã hội của đối phương. Chính vì vậy, khi xuất hiện lần đầu trên sân khấu truyền thống, mỗi vai diễn thường cất tiếng hỏi: “Tôi ra đây có phải xưng danh không nhỉ?”. Tiếng vọng sau màn là: “Không xưng thì ai biết rằng ai”. Tên gọi chính là “tài sản riêng” của mỗi thành viên trong xã hội, nó hàm chứa những thông tin về ngoại hình, tính cách, vị thế xã

hội, nguyện vọng, tâm lí, truyền thống gia đình và đặc điểm thời đại, môi trường sống..., của mỗi con người đó. Đôi khi, những nhân vật nổi tiếng dù ở ngoài đời hay trong tác phẩm văn học còn mang ý nghĩa tượng trưng. Chẳng hạn, nói đến hai tiếng “Trương Phi” thì người ta nghĩ ngay đến một con người nóng nảy, cương trực; nói đến “Tào Tháo” thì một tính cách đa nghi, một nhân vật gian hùng lại hiện lên trước mắt; hai chữ “Chí Phèo” gợi nhớ đến một kẻ bất cần đời... Trong giao tiếp ngôn ngữ, những cái tên Trương Phi, Tào Tháo, AQ, Chí Phèo, Thị Nở..., dần dần đã được người sử dụng biến nó thành những “tính từ” chỉ tính cách hoặc ngoại hình. Vì vậy, trong tiếng Việt đã và vẫn xuất hiện những cách nói như rất AQ, rất Chí Phèo... Những danh xưng đó có khi được dùng với ý

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-904123803

Email: phamngochamnnvhtq@gmail.com

nghĩa ví von người có đặc điểm tương tự như chính nhân vật trong tác phẩm thể hiện. Do đó, trong quá trình phối thai đứa con tinh thần của mình, các tác giả thường quan tâm đến việc định danh cho nhân vật và coi đó là một trong những thủ pháp nghệ thuật góp phần thể hiện tư tưởng, nội dung của tác phẩm. Đối với tiếng Hán, do đặc thù về tính chất biểu ý và nội hàm văn hóa của chữ Hán, cùng với quan hệ ngữ nghĩa của các thành tố cấu tạo nên tên người gồm họ, tên đệm và tên, đã trở thành một “không gian nghệ thuật” để các nhà văn phát huy trí sáng tạo và độc giả thưởng thức, cảm nhận ý vị sâu xa của chính những cái tên trong mối quan hệ với hình tượng nhân vật và nội dung tư tưởng của cả tác phẩm. Mạc Ngôn cho ra đời kiệt tác “Báu vật của đời” đã gây tiếng vang lớn trong văn đàn Trung Quốc và thế giới, trong đó có Việt Nam. Thế giới nhân vật trong “Báu vật của đời” với những cái tên đầy hàm súc, sâu sắc và ý vị, khiến độc giả phải suy ngẫm. Bài viết trên cơ sở tổng kết lại những vấn đề lí luận có liên quan, chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích ngữ nghĩa, làm sáng tỏ đặc điểm tên gọi của hơn 20 nhân vật chính trong tác phẩm, góp phần khẳng định tên nhân vật là một trong những thủ pháp nghệ thuật thể hiện tư tưởng nội dung tác phẩm và tài năng sáng tạo của tác giả.

2. Khái quát về định danh nhân vật trong tác phẩm văn học

2.1. Về khái niệm định danh

Các nhà ngôn ngữ học xuất phát từ chức năng cơ bản của các đơn vị từ ngữ đã đưa ra định nghĩa về định danh. Hiểu một cách đơn giản nhất, định danh là đặt tên gọi cho các sự vật, hiện tượng tồn tại trong giới tự nhiên, xã hội và tiềm thức của con người, dĩ nhiên cũng bao gồm cả con người trong đó. Tuy nhiên, các tác giả khác nhau đã đưa ra những quan niệm khác nhau về định danh. Theo G.V.

Kolshansky, “Định danh (nomination) là gắn cho một kí hiệu ngôn ngữ một khái niệm - biểu niệm (significat) phản ánh đặc trưng nhất định của một biểu vật (denotat) - các thuộc tính, phẩm chất và quan hệ của các đối tượng và quá trình thuộc phạm vi vật chất và tinh thần, nhờ đó các đơn vị ngôn ngữ tạo thành những yếu tố nội dung của giao tiếp ngôn ngữ” (dẫn theo Nguyễn Đức Tồn, 2010).

Định danh, tiếng Trung Quốc gọi là 命名 *mệnh danh*, có hàm ý, thuộc tính và tác dụng của nó. Theo Mã Minh Xuân (马鸣春, 1999), “định danh” có hai từ tính và cũng có hai hàm ý khác nhau. Với tư cách là danh từ hoặc từ tổ danh từ, định danh là một ký hiệu dùng để chỉ mọi sự vật trong thế giới khách quan, chính là tên của sự vật. Khi là động từ, định danh dùng để chỉ quá trình hình thành tên gọi của con người hoặc sự vật.

Dựa trên quan điểm của Mã Minh Xuân, chúng tôi cho rằng, định danh là *tên gọi*, tức sản phẩm của tư duy trong quá trình nhận thức về một sự vật, hiện tượng nào đó thể hiện bằng một đơn vị ngôn ngữ đã được hình hành, đồng thời cũng là *đặt tên*, tức hành vi nhằm tạo ra sản phẩm đó. Hành vi ấy quyết định bởi các yếu tố chủ quan như năng lực tư duy, liên tưởng, mục đích, nguyện vọng của người đặt tên cho sự vật, và yếu tố khách quan là môi trường xã hội, đặc tính của sự vật, hay đối tượng được định danh. Đối với tên nhân vật trong tác phẩm văn học, yếu tố chủ quan chính là năng lực sáng tạo và phong cách của nhà văn, yếu tố khách quan là môi trường xã hội, thời đại, đặc trưng văn hóa dân tộc,... thuộc về nhân vật trong tác phẩm mà nhà văn cần xây dựng.

Định danh có những thuộc tính như gọi tên, mang tính xã hội, tính cấu trúc và phản ánh đặc trưng văn hóa dân tộc. Với tư cách là một tên gọi, nó phải có ý nghĩa sở chỉ, có thể khu biệt với sự vật khác và mang tính

chất miêu tả. Vai trò của nó thể hiện trên bốn phương diện, thứ nhất là nhờ có định danh, con người có thể dễ dàng nhận biết thế giới; thứ hai là định danh hỗ trợ cho hoạt động tư duy và thúc đẩy tư duy của con người; thứ ba là thông qua tư duy, thúc đẩy ngôn ngữ không ngừng phát triển và ngày càng hoàn thiện; thứ tư là giúp ích cho giao tiếp xã hội. Như vậy, định danh bao gồm cả đặt tên và tên gọi đều có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với giao tiếp ngôn ngữ nói riêng và đối với sự phát triển của xã hội loài người nói chung.

2.2. Về nghiên cứu định danh ở Trung Quốc và Việt Nam

Nói đến thành quả nghiên cứu định danh ở Trung Quốc, phải nhắc đến Mã Minh Xuân (马鸣春, 1999), người đã dành gần như toàn bộ tâm huyết cho nghiên cứu về danh xưng và danh xưng học. Sau khi hoàn thành ba tác phẩm “Tu từ học nhân danh” (人名修辞学), “Tu từ học xưng gọi” (称谓修辞学), “Tu từ học địa danh” (地名修辞学), ông đã tiếp tục cho ra đời loạt tác phẩm với năm cuốn sách gồm “Dẫn luận định danh học” (命名学导论), “Nghiên cứu phân loại định danh” (命名分类研究), “Định danh học thương phẩm, thương hiệu” (商品商标命名学), “Nghệ thuật định danh” (命名艺术) và “Mỹ học định danh nghệ thuật” (艺术命名美学). Có thể nói, những bộ sách này đã đề cập một cách khá toàn diện đến vấn đề định danh trên mọi phương diện, bao gồm cả định danh sự vật trong tự nhiên và trong xã hội, hình thành nên lý thuyết định danh mang màu sắc ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc. Tuy nhiên, Mã Minh Xuân chưa đi sâu nghiên cứu, làm rõ đặc điểm và giá trị của những thủ pháp định danh nhân vật trong từng tác phẩm cụ thể.

Về thành quả nghiên cứu chuyên sâu tên nhân vật trong các tác phẩm văn học cụ thể của các học giả Trung Quốc, có thể nói đến Lý Tĩnh Văn (李静文, 2015) với “Thủ pháp

tu từ định danh nhân vật trong tiểu thuyết ‘Gia đình’ của Ba Kim”. Qua nghiên cứu, tác giả đã chỉ ra giá trị của việc sử dụng thủ pháp tượng trưng và thủ pháp so sánh ngầm để kiến tạo nên tên nhân vật với hàm ý sâu sắc, đem lại không gian suy tưởng sâu rộng cho độc giả khi tiếp xúc với nhân vật.

Ngô Phong Văn cùng nhóm tác giả (吴锋文, 2013) với bài viết “So sánh định danh nhân vật trong ‘Thủy hử’ và ‘Hồng lâu mộng’”. Trong nghiên cứu của mình, nhóm tác giả chủ yếu dùng thủ pháp so sánh đối chiếu chỉ ra những tương đồng và khác biệt về mặt cấu trúc tên nhân vật của hai tác phẩm văn học nổi tiếng này. Tiếp đó là Hạ Trung Hoa, Nhậm Lệ Phần (夏中华, 任丽芬, 2007) trong bài “Nghệ thuật tu từ qua tên nhân vật trong ‘Gào thét’ và ‘Bàng hoàng’”, nhóm tác giả dựa trên ngữ liệu thực tế khảo sát được từ hai tác phẩm, tiến hành phân loại tên nhân vật theo thành phần cấu tạo, trên cơ sở đó phân tích các thủ pháp tu từ thể hiện qua tên nhân vật, đồng thời khẳng định việc vận dụng các thủ pháp tu từ đã khiến cho tên nhân vật có thể khái quát một cách cô đọng nhất đặc điểm ngoại hình, tính cách, gắn liền với hoàn cảnh xuất thân, yếu tố thời đại, cá tính, sự trải nghiệm..., của nhân vật và càng trở nên hàm súc, thể hiện được một cách sinh động phong thái, tư tưởng của nhân vật cũng như tình cảm của tác giả dành cho từng nhân vật trong tác phẩm.

Ngoài ra, còn có nhiều bài viết của nhiều học giả thuộc lĩnh vực này như Lưu Bình Thanh (刘平清, 1995) với “Bàn về vấn đề định danh trong tiểu thuyết Lỗ Tấn”, bài viết đã chia tên nhân vật trong tiểu thuyết Lỗ Tấn thành 5 loại hình, cũng là 5 phương thức định danh. Từ đó phân tích, làm rõ đặc điểm tên nhân vật của Lỗ Tấn dưới góc độ lý thuyết định danh trong những bối cảnh ngôn ngữ văn hóa khác nhau; Vương Hải Phong (王海峰, 2006) với “Nghệ thuật đặt tên nhân vật trong các tác phẩm của Lỗ Tấn”, tác giả đi sâu phân tích vai

trò của thủ pháp tu từ trong định danh đối với nghệ thuật xây dựng nhân vật, làm nổi bật tính cách, tư tưởng và hình tượng nhân vật. Bên cạnh đó, cũng có những bài viết về so sánh thủ pháp đặt tên nhân vật trong các tác phẩm văn học của Trung Quốc và văn học thế giới như Tả Bồi, Thi Bình (贻, 施平, 1992) với bài viết nhan đề “Bàn về định danh nhân vật trong văn học Trung Quốc và văn học nước ngoài”. Bài viết xuất phát điểm là tên nhân vật trong văn học Trung Quốc, đối tượng so sánh chủ yếu là tên nhân vật trong các tác phẩm văn học phương Tây. Trên cơ sở phân tích cấu trúc và ngữ nghĩa, tác giả đã chỉ ra những tương đồng và khác biệt giữa tên nhân vật trong văn học Trung Quốc và văn học phương Tây. Tuy nhiên, nhìn từ tổng thể, cho đến nay vẫn chưa có công trình nào chuyên nghiên cứu đối chiếu tên nhân vật trong các tác phẩm văn học Trung Quốc và văn học Việt Nam một cách có hệ thống và toàn diện.

Về thành quả nghiên cứu định danh ở Việt Nam hiện nay, giới ngôn ngữ nhìn chung mới đề cập đến vấn đề này dưới góc độ là một trong những nội dung cấu thành của từ vựng học, tiêu biểu như Nguyễn Thiện Giáp (2014), Lê Quang Thiêm (2008), Nguyễn Đức Tồn (2013). Một số công trình nghiên cứu chuyên sâu về định danh đã công bố chủ yếu là phương diện định danh thuật ngữ, tiêu biểu có Hà Quang Năng (2013). Ngoài ra, còn có một số bài viết của những nghiên cứu sinh viết về định danh thuật ngữ trong quá trình thực hiện luận án về thuật ngữ như Vương Thị Thu Minh (2005), Mai Thị Loan (2011), Nguyễn Thanh Dung (2016)...

Lĩnh vực nghiên cứu tên nhân vật trong các tác phẩm văn học ở Việt Nam đến nay vẫn chưa được thực sự chuyên sâu. Gần đây, trong bài viết nhan đề “Nhà văn Nguyễn Minh Châu đặt tên nhân vật”, Trần Duy Thanh (2013) đã phân tích các phương thức đặt tên nhân vật trong ba tác phẩm “Mảnh trăng cuối rừng”,

“Bến quê” và “Chiếc thuyền ngoài xa”, nhằm làm sáng tỏ tên nhân vật có mối liên quan đến tiêu đề cũng như nội dung tư tưởng của tác phẩm, từ đó khẳng định tên nhân vật mang tính tiêu biểu cho hình tượng những người dân thuộc những không gian sinh sống khác nhau, mang cốt cách tâm hồn Việt Nam và thấm đượm hương quê với tình người mộc mạc mà sâu đậm.

Kế thừa những thành quả nghiên cứu về định danh nhân vật của các học giả đi trước, nối tiếp nghiên cứu “Về tên nhân vật trong tác phẩm ‘Gia đình’ của Ba Kim” (2015), chúng tôi tiếp tục đi sâu phân tích đặc điểm định danh nhân vật của Mạc Ngôn qua tác phẩm “Báu vật của đời”, nhằm khẳng định thêm một bước định danh nhân vật là một trong những thủ pháp xây dựng nhân vật, thể hiện rõ nét dụng ý của nhà văn trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm.

3. Đôi nét về Mạc Ngôn và tác phẩm “Báu vật của đời”

3.1. Đôi nét về Mạc Ngôn

Mạc Ngôn (莫言), tên thật là Quản Mỗ Nghiệp (管谟业), sinh năm 1955 trong một gia đình nông dân tại huyện Cao Mật, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Ông là nhà văn của người nông dân, với chất văn dân dã, đôi khi có phần thô鄙, dung tục. Trong các tác phẩm kinh điển của ông, người dân Trung Quốc được khắc họa một cách chân thực, với những số phận nghiệt ngã cùng những biến cố lịch sử và xã hội mà ở đó, không ít người nông dân bị quăng quật, vùi dập đến điều tàn. Các nhân vật của Mạc Ngôn phải chịu đựng tột cùng mọi sự đắng cay tủi nhục, song vẫn bền bỉ một sức sống mãnh liệt. Đó cũng là phẩm chất của người dân Trung Quốc, mang sắc màu rất “Trung Quốc”. Mạc Ngôn - bút danh được tách từ chính chữ 谟 *mó* là yếu tố đệm trong họ tên của ông, gồm chữ 莫 *mạc* (đừng, chớ, không) và chữ 言

ngôn (nói) hợp thành nghĩa là “đừng nói”, là lời răn “không nên nói nhiều” mà ông dành cho chính mình. Nhưng thực chất, theo chúng tôi, chính trong nội hàm ý nghĩa bút danh này và nội dung tư tưởng tác phẩm của ông cũng đã mâu thuẫn với nhau, mâu thuẫn mang tính nghệ thuật này đã thể hiện dụng ý sâu xa của tác giả ngay từ việc chọn bút danh cho mình. Ông không nói nhưng lại nhờ chính những tác phẩm của ông nói hộ nỗi lòng của chính mình cũng như của triệu triệu người nông dân lao khổ. Những sáng tác của ông đã nói quá nhiều, quá chân thực, quá tỉ mỉ đến mức đôi khi xã hội chưa kịp chấp nhận những số phận, những cách nhìn nhận ấy. Đó là sự dũng cảm của ông, vượt lên tất cả, đi ngược lại đám đông, dám nói, dám vạch trần hiện thực tàn khốc và hình ảnh người nông dân hiện lên đầy bản lĩnh, rắn rỏi. Họ đang ráng sức để sống. Thật đúng như cách nói của người Trung Quốc “vô thanh thắng hữu thanh” (lặng im mà hơn nói vạn lời). Tiểu thuyết của ông là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, là sự kế thừa nghệ thuật kể chuyện của dân tộc Trung Hoa và những đổi mới trong bút pháp tiểu thuyết hiện đại, tạo dựng nên phong cách rất riêng. Năm 2012, ông giành giải Nobel văn học cùng tác phẩm “Báu vật của đời”. Đây là sự ghi nhận xứng đáng cho những sáng tạo, những thành quả lao động không mệt mỏi và cả sự dũng cảm của ông. Một nhà văn tiêu biểu, một phong cách độc đáo của nền văn học đương đại Trung Quốc, một phong cách “rất Mạc Ngôn” đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả.

3.2. Đôi nét về tác phẩm “Báu vật của đời”

Văn học là nhân học, có chức năng cơ bản là phản ánh con người và cuộc sống của họ trong xã hội. Hệ thống nhân vật trong tác phẩm văn học đều có những tín hiệu riêng để phân biệt giữa các tính cách, số phận khác nhau, đó là tên gọi. Tên nhân vật hoặc mang tính cụ

thể, hoặc mang tính trừu tượng, thường hàm chứa dụng ý mà tác giả gửi gắm vào nhân vật. Trong văn học Trung Quốc nói chung và văn học hiện đại, đương đại Trung Quốc nói riêng, các nhà văn đều chú trọng đến việc đặt tên cho “đứa con tinh thần” của mình, đem lại những giá trị, những ảnh hưởng to lớn đối với việc truyền tải nội dung tác phẩm. Tên của nhân vật có thể khiến chính tác giả phải trăn trở đêm ngày, ăn không ngon, ngủ không yên như chính một số nhà văn từng chia sẻ. Tiêu biểu có thể kể đến Lỗ Tấn, Ba Kim, Mạc Ngôn... Trong đó, Mạc Ngôn trong tác phẩm “Báu vật của đời” đã khái quát cả giai đoạn lịch sử bi tráng của dân tộc Trung Hoa một cách tỉ mỉ và chân thực. Những cái tên độc đáo đầy ý nghĩa của những nhân vật tiêu biểu xứng đáng được đi sâu nghiên cứu, nhằm làm sáng tỏ những ẩn ý sâu sắc mà tác giả gửi gắm trong từng nhân vật của từng tác phẩm.

“Báu vật của đời” – nguyên tác “Phong nhũ phi đồn” (丰乳肥臀) là tác phẩm được nhà văn viết trong bốn năm, từ năm 1990 đến mùa thu năm 1994, đã khái quát một cách chân thực và sinh động giai đoạn lịch sử xã hội Trung Quốc đầy biến động thông qua hình ảnh các thế hệ trong gia đình Thượng Quan. Số phận của tác phẩm từ khi ra đời quả là gian truân và đứng trước nhiều thách thức từ cách nhìn nhận của văn đàn, giới trí thức Trung Quốc, giống hệt số phận những nhân vật được tác giả tạo dựng trong tác phẩm. Nguyên tác “Phong nhũ phi đồn” có nghĩa là “Vú to, mông mẩy”, bị cho là cái tên quá khêu gợi tính dục, từng bị ban biên tập yêu cầu đổi sang một tên khác. Song, tác giả vẫn kiên quyết giữ vững quan điểm của mình. Quả thực, Mạc Ngôn có cách lí giải của ông, vô cùng xác đáng. Tác phẩm có nội dung chủ đạo xoáy sâu xây dựng hình ảnh con người đầy bản năng, dựa trên bản năng để sinh tồn, và “vú to, mông mẩy” là một dạng vật chất đem lại sức sống bản năng ấy. Trải qua muôn ngàn bão tố phong ba, muôn ngàn “búa

riêu” của dư luận cùng những lần bị phê bình, lên án, thậm chí sách in ra còn bị yêu cầu tiêu hủy, cho đến khi có những biến động xã hội, “Báu vật của đời” được thông qua tổ chức tọa đàm chính thức với những nhận xét thấu tình đạt lý, tác phẩm được đón nhận bằng cái nhìn thiện cảm hơn. Sau cùng, vượt lên trên tất cả, “Phong nữ phi đồn” được dịch ra nhiều thứ tiếng, trong đó có tiếng Việt với cái tên “Báu vật của đời” – quả là một cách chuyển dịch tài tình, vừa toát lên được cái hồn của tác phẩm, vừa trang nhã về mặt hình thức, khiến cho mọi tầng lớp độc giả đều có thể tiếp nhận và giành được nhiều giải thưởng cao quý, trong đó đỉnh cao là giải Nobel năm 2012, đồng thời nâng tầm tên tuổi Mạc Ngôn vươn ra thế giới.

4. Định danh nhân vật trong “Báu vật của đời”

Trung Quốc được coi là một trong những cái nôi văn hóa của nhân loại, với nền văn hóa, tư tưởng, chính trị có chiều dài lịch sử năm nghìn năm, trong đó chế độ phong kiến dài tới hơn 2300 năm, lễ giáo và những quy phạm xã hội ngặt nghèo, những phong tục lạc hậu, những quan niệm hà khắc, nhất là tư tưởng trọng nam khinh nữ đã gây nên biết bao đau thương cả về thể xác lẫn tâm hồn cho người phụ nữ. Mạc Ngôn trong “Báu vật của đời” đã phản ánh chân thực và sinh động, tái hiện lại bối cảnh xã hội của cả một đất nước qua những mảnh đời oan nghiệt đầy oái oăm tại vùng quê Cao Mật. Từng nhân vật lần lượt được khắc họa dưới ngòi bút chân chất mà sắc sảo của Mạc Ngôn, bắt đầu từ cách đặt tên nhân vật ẩn chứa dụng ý hết sức sâu sắc và tinh tế, góp phần tạo nên nét đặc sắc của tác phẩm.

Đương nhiên, trong giới hạn một tác phẩm, tên nhân vật không thể bao quát hết được tất cả các cơ sở định danh, sở dĩ chúng tôi chọn “Báu vật của đời” làm ngữ liệu khảo sát là vì đây là tác phẩm văn học đương đại nổi tiếng trên nhiều phương diện, trong đó tên gọi các nhân vật chính của tác phẩm đều chứa

đựng những ý nghĩa sâu sắc và có quan hệ hữu cơ với nhau, tất cả cùng làm nên một “xã hội thu nhỏ” trong ống kính nghệ thuật của tác giả “không nói” (Mạc Ngôn) mà rõ mọi điều. Thông qua khảo sát và phân tích ngữ nghĩa tên gọi nhân vật trong tác phẩm, chúng tôi mong muốn có thể góp phần làm sáng tỏ một số đặc trưng cơ bản về ngữ nghĩa trong tên gọi nhân vật cũng như cơ sở định danh nhân vật mà Mạc Ngôn lựa chọn.

4.1. Đặt tên nhân vật bằng mỹ từ

Trong danh sách hơn 20 nhân vật chính của tác phẩm, những nhân vật mang tên Toàn Nhi (璇儿), Ngọc Nữ (玉女), Kim Đồng (金童), Quỳnh Chi (琼枝). Trong đó, 璇 *toàn*, 玉 *ngọc*, 琼 *quỳnh* đều là những loại ngọc sáng đẹp, 金 *kim* là vàng, sánh cùng ngọc, báu vật của đời.

Thượng Quan Lỗ thi, “đưa con dâu của xã hội phong kiến Trung Quốc”, thưở nhỏ được đặt tên Lỗ Toàn Nhi 鲁璇儿. Xét về mặt văn tự học, chữ 璇 *toàn* là một chữ hình thanh, do bộ 玉 *ngọc* biểu nghĩa, 旋 *toàn* biểu âm hợp thành, dùng để chỉ một loại ngọc đẹp. Mặc dù chịu ảnh hưởng của quan niệm phong kiến trọng nam khinh nữ, song mỗi bậc làm cha mẹ vẫn luôn yêu thương con cái, đặt cho chúng những cái tên thật mỹ miều, quý giá, với mong muốn dù gái hay trai, chúng vẫn có được cuộc sống tốt đẹp sau này. Toàn Nhi may mắn được sinh ra trong một gia đình có cha mẹ như vậy. Cái tên Toàn Nhi thật đẹp! Toàn 璇 là một loại ngọc đẹp, Nhi 儿 là con, mà là con trai. “Toàn Nhi” có nghĩa chỉ người đẹp như ngọc, sáng trong và được nâng niu như những vật báu vô giá. Nhưng không, tạo hóa khéo trêu ngươi hay phép chơi chữ độc đáo của tác giả khi xây dựng nhân vật Toàn Nhi lại là người mang họ Lỗ 鲁. Theo “Tân hiện đại Hán ngữ từ điển” giải thích, “鲁 *Lỗ*” là một chữ Hán kết cấu trên dưới, gồm 鱼 *ngư* (cá) và 口 *khẩu* hợp thành, 口 *khẩu* trong cấu tạo chữ

Hán này mang ý nghĩa tượng trưng cho khí cụ (những vật dụng dùng vào việc có ích cho cuộc sống). Ngạn ngữ có câu “Ngọc bất trác bất thành khí, nhân bất học bất tri đạo” (ngọc mà không mài rũa thì không thành đồ trang sức, người không học thì không biết lẽ sống). Như vậy, với nghĩa thứ nhất, tính chất biểu ý của 鲁 *lỗ* là con cá được đặt trong lòng dụng cụ để chế biến, biểu trưng cho món ăn ngon. Nghĩa thứ hai là u tối, đần độn, chậm chạp, tư chất không được sáng suốt, lanh lợi. Họ và tên đầy đủ Lỗ Toàn Nhi có nghĩa là “đứa trẻ sáng đẹp như ngọc ngà” nhưng lại “u tối”. Quả là khéo “xỏ xiên nghịch đời”! Xuyên suốt tác phẩm, Lỗ Toàn Nhi từ thuở nhỏ đến lúc gả chồng phải chịu biết bao tang thương, cay đắng, chìm trong tăm tối gần như không lối thoát. Nạn chiến tranh đã biến Toàn Nhi thành trẻ mồ côi từ khi cô bé lên sáu tuổi, và khi trở thành đứa con dâu với danh xưng Thượng Quan Lỗ Thị, cuộc đời Lỗ Thị càng bị quăng quật tui nhục gấp bội phần. Lỗ Thị (鲁氏) là cách gọi tên truyền thống của người dân Trung Hoa, trong đó, thị 氏 là họ, Lỗ Thị được hiểu là “họ Lỗ”, dùng khi người con gái đã đi lấy chồng phải theo họ nhà chồng, “xuất giá tòng phu”. Những người phụ nữ đó chỉ được nhắc đến nguồn gốc tổ tông bằng cách gọi “Họ của chồng + Họ của mình + Thị”. Do quan niệm phong kiến, làm dâu phải sinh con trai nối dõi tông đường đã ăn sâu vào máu thịt, nhiều lúc, Lỗ Thị bị mẹ chồng và những thành viên trong đại gia đình nhà chồng đối xử không bằng một con vật, thậm chí có lúc Lỗ Thị phải một mình quần quai vượt cạn, trong khi cả gia đình nhà chồng lại đang nâng niu, lo lắng cho một con lừ cũng đang đau đẻ. Lỗ Thị trở thành nạn nhân của lễ giáo phong kiến ngay từ những ngày đầu khi lấy phải người chồng bất tài, vũ phu và không có khả năng duy trì nòi giống. Lỗ Thị không hề có lỗi, nhưng lại bị coi là kẻ tội lỗi và bị đọa đày đến tận cùng của tui nhục, dẽ rồi, lẽ sinh tồn đã biến Lỗ Thị trở nên kiên

gan, quật cường, đi ngược lại tất cả quan niệm phong kiến chỉ để được sống, được trở thành người phụ nữ “bản năng”.

4.2. Tên nhân vật thể hiện ước nguyện về một cuộc sống tốt đẹp

Thượng Quan (上官) là họ kép song âm tiết, xét về nghĩa, Thượng Quan nghĩa là Quan trên, là họ nhà chồng Lỗ Thị, đặt trong bối cảnh xã hội phong kiến xưa kia, dòng họ này không khỏi khiến người ta trầm trồ ngưỡng mộ bởi đó là một danh gia vọng tộc. Mạc Ngôn thể hiện rõ dụng ý của mình giúp người đọc dễ dàng nắm bắt được gia tộc nhà chồng Lỗ Thị là đại diện tiêu biểu nhất của tầng lớp thống trị, tầng lớp thượng lưu trong xã hội phong kiến, nhằm mục đích cuối cùng là thể hiện được cục diện cuộc đấu tranh sinh tồn của Lỗ Thị – nạn nhân của tư tưởng trọng nam khinh nữ và dòng họ Thượng Quan – hiện thân của hệ thống tư tưởng phong kiến. Nếu như cái tên Lỗ Toàn Nhi được tạo dựng có chủ ý và đầy tréo ngoe, thì tên chồng của Lỗ Thị cũng được Mạc Ngôn đặt cho với ý nghĩa châm biếm vô cùng sâu cay. Trong cái tên Thượng Quan Thọ Hỷ (上官寿喜) thì Thọ (寿) là sống lâu, Hỷ (喜) là niềm vui, đó là tên của con trai Thượng Quan Phúc Lộc (上官福禄), Phúc (福) là thuận lợi, may mắn. Theo quan niệm thời phong kiến thì nhà có Phúc là nhà đông con, có con trai nối dõi tông đường. Lộc 禄 là giàu có, thịnh vượng, được thừa hưởng về vật chất. Tên của hai cha con nhà Thượng Quan Thọ Hỷ thể hiện tất cả những ước nguyện lớn nhất của đời người, là sự viên mãn tột bậc của kiếp nhân sinh ở chốn trần gian. Nhưng thực tế, Thượng Quan Thọ Hỷ và Thượng Quan Phúc Lộc lại không có và không xứng đáng có được cái phúc ấy, bởi Thượng Quan Thọ Hỷ dưới ngòi bút sắc sảo của tác giả được hiện lên là một nhân vật bất tài, vũ phu, sớm bị quân Nhật giết hại (không được hưởng Thọ), bên cạnh tội bất hiếu lớn nhất của đời người

là không có con trai. Trớ trêu thay! Thọ Hỷ không có khả năng duy trì nòi giống (không có phúc) chứ chưa nói đến sinh con trai hay con gái – không có được niềm vui con cháu sum vầy (không có Hỷ). Những cái tên được đặt cho đàn ông trong dòng họ Thượng Quan trái ngược hoàn toàn với những điều thực tế mang lại. Cặp vợ chồng Thượng Quan Thọ Hỷ và Thượng Quan Lỗ Thị xét trong mối liên hệ giữa tên và số phận nhân vật thì quả thực trời sinh một cặp, hay cũng chính là sự thâm thúy, tinh tế trong cách đặt tên nhân vật của Mạc Ngôn – một cách nói ngược đầy tính châm biếm sâu cay.

4.3. Tên nhân vật thể hiện khát vọng con trai nối nghiệp nhà

Dưới áp lực của gia đình nhà chồng cùng thành kiến của xã hội về sinh con trai nối dõi tông đường, Lỗ Thị phải “mang chuông đi đánh xứ người”, đi “xin giống” của những người đàn ông khác. Và kết quả là đàn con chín đứa gồm tám gái một trai lần lượt ra đời. Mỗi đứa trẻ được sinh ra đều mang trong mình kì vọng của người mẹ về một “mụn con trai”, thể hiện rõ nét qua từng cái tên, cũng là dụng ý thâm sâu của tác giả. Trong chín người con thì có đến bảy người mang yếu tố *đệ* (em trai), bởi cô con gái đầu lòng là gái, là chị cả của đàn em. Loạt tên con gái được lần lượt gọi là *来弟 Lai Đệ*, *招弟 Chiêu Đệ*, *领弟 Lãnh Đệ*, *想弟 Tưởng Đệ*, *盼弟 Phán Đệ*, *念弟 Niệm Đệ*, *求弟 Cầu Đệ* gắn liền với cuộc đời của bảy đứa con đầu, đều thể hiện khát khao có được đứa em trai, cậu ấm nối dõi dòng tộc. Trong *来弟 Lai Đệ* thì *来 lai* là đến, “*Lai Đệ*” có nghĩa là “đứa em trai đến với chị, đứa con trai đến với người mẹ Lỗ Thị, đến với gia tộc Thượng Quan”. Trong *招弟 Chiêu Đệ* thì *招 chiêu* là vẫy gọi, tuyển mộ, ý mong “chiêu mộ” được cậu con trai. Trong *领弟 Lãnh Đệ* thì *领 lãnh* nghĩa là đón nhận lấy, nguyện được đón chào một cậu ấm. Trong *想弟 Tưởng Đệ*,

thì *想 tưởng* là nghĩ, mong muốn, hy vọng. Lỗ Thị đã sinh ba người con đầu đều là gái, những khát khao hy vọng, mơ tưởng về một đứa con trai của người mẹ được gửi gắm qua cái tên này. Trong *盼弟 Phán Đệ* thì *盼 phán* có nghĩa là mong ngóng, trông chờ. Người mẹ Lỗ Thị ngày qua ngày vẫn tha thiết trông mong sinh hạ một “quý tử”. Trong *念弟 Niệm Đệ* thì *念 niệm* là mong, nhớ, nghĩ ngợi, nhắc nhớ, tâm niệm trong lòng. Qua nhiều lần sinh nở chưa được như ý nguyện, người mẹ trôi dạt về phía tuyệt vọng, giờ đây chỉ còn là những mong muốn, khát khao âm ỉ tận sâu thẳm đáy lòng. Trong *求弟 Cầu Đệ* thì *求 cầu* là tìm tòi, xin được trợ giúp, cầu mong. Lỗ Thị vẫn tiếp tục hành trình đi tìm cho mình, cho gia đình nhà chồng người con trai nối dõi, và *Cầu Đệ* có ý nghĩa cầu xin giúp cho một đấng nam nhi được sinh ra trong gia đình nhà Thượng Quan. Bảy đứa con, bảy cái tên đã truyền tải và nói lên những khát khao đến cháy bỏng, sự kiên nhẫn đợi chờ đến mỗi mòn một cậu con trai ra đời của Lỗ Thị. Tiếc thay! Cả bảy lần sinh hạ đều là con gái, ông trời hay là Mạc Ngôn thực khéo an bài để thử thách niềm tin cũng như sự kiên định của người mẹ Lỗ Thị. Cũng qua ấn tượng về bảy cái tên này, chúng ta hiểu được rằng, đối với một người mẹ khốn khổ như Lỗ Thị thì chỉ có con đường sinh con trai mới cứu vãn được thảm kịch cuộc đời. Vì vậy, Lỗ Thị thi gan cùng năm tháng, duy trì niềm tin và hy vọng, hết lần này đến lần khác. Lỗ Thị là nạn nhân, cũng là nhân chứng đầy sức thuyết phục để tố cáo, lên án những tư tưởng phong kiến, những quan niệm lạc hậu “trọng nam khinh nữ”, bắt buộc sinh con trai nối dõi của xã hội bấy giờ. “Không có con trai thì suốt đời cô chỉ làm nô lệ; đẻ con trai, cô lập tức thành chủ nhà” (Tr. 783). May thay! Tạo hóa ngược đãi Lỗ Thị hết lần sinh hạ này đến lần sinh hạ khác, nhưng lại ban cho Lỗ Thị được hưởng một đặc ân, được sở hữu tấm thân “phong nhũ phi đồn” (vú to mông mẩy), điều kiện

bản năng đầy giá trị để Lỗ Thị tiếp tục con đường tìm lại cho mình cuộc sống của một con người. Với bản năng thiên phú, Lỗ Thị bầu vú vào những lần sinh nở của mình, còn sinh con là còn hi vọng, bởi Lỗ Thị cũng hiểu, mất đi thiên chức làm mẹ, cũng chính là tước đi cơ hội cuối cùng, đánh mất luôn sự sống giữa xã hội phong kiến đè nặng bởi những tư tưởng cực đoan lạc hậu.

Bảy lần sinh hạ chưa được như ý nguyện, đến lần thứ tám ông trời đã thổi trêu người Lỗ Thị. Lần này, người mẹ sinh được một trai một gái. Đáng quý lắm, đáng trân trọng lắm nên được đặt cái tên mỹ miều là Kim Đồng – Ngọc Nữ. Kim Đồng (金童) là cậu bé vàng bạc, Ngọc Nữ (玉女) là cô bé ngọc ngà. Hai các tên của cặp song sinh này thật cân xứng, sóng đôi cả về chữ và nghĩa. Lỗ Thị thôi không phải chờ mong, thay vào đó là sự mãn nguyện, nâng niu trân trọng cặp con sinh đôi của mình như “báu vật”. “Báu vật” của Lỗ Thị, của gia đình Thượng Quan. Con người ta khi mang báu vật bên mình tất nhiên sẽ trở nên sang trọng, đẹp đẽ hơn và Lỗ Thị cũng vậy, sự xuất hiện của cặp Kim Đồng – Ngọc Nữ sẽ khiến người mẹ được đôi đời từ đây. Qua bao gian truân thử thách, cuối cùng, Mạc Ngôn hay tạo hóa cũng cho Lỗ Thị được thỏa ước vọng, “khổ tận cam lai”! “Phong nhũ phi đồn” quả là lợi hại, “vú to mông mây” quả thực hữu dụng. Lỗ Thị đã tận dụng được ưu ái hiếm hoi nhưng vô cùng giá trị mà trời ban cho để kháng cự lại sự chớ trêu của tạo hóa, để vượt lên những thành kiến của xã hội, để bịt miệng người đời với những lời cay nghiệt, để thôi không còn những trận đòn tui, roi nhục với những lời đay nghiến của mẹ chồng: “Nhà Thượng Quan tiền oan nghiệp chướng làm sao cưới phải quả mít đực, tuyệt tự đến nơi rồi” (Tr. 747).

Nhân vật mẹ chồng Lã Thị không hề có cái tên cụ thể, bởi bà không phải là trường hợp cá biệt, mà là đại diện tiêu biểu của những người mẹ chồng bị ảnh hưởng sâu sắc tư

tưởng phong kiến, là ví dụ sinh động của mối quan hệ mẹ chồng – nàng dâu vốn được coi là một trong những điểm nóng của mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn mang tính bản chất của hệ tư tưởng phương Đông hàng ngàn năm qua. Hình ảnh bà mẹ chồng được xây dựng gắn liền với những lần thượng cẳng chân, hạ cẳng tay và những lời mắng nhiếc thóa mạ, tất cả đều đổ dồn lên đầu Lỗ Thị. 吕 Lữ vốn nghĩa là chỉ âm luật, âm nhạc của Trung Quốc cổ đại. Quá nửa cuộc đời Lỗ Thị bị ám ảnh bởi “bản nhạc” đắng cay chua chát dường như không có hồi kết đến từ miệng lưỡi cay độc của Lã Thị. Phải chăng đó là đặc điểm cấu thành nên chữ 吕 lữ với hai bộ 口 khẩu (miệng) hợp thành được Mạc Ngôn sử dụng làm danh từ chỉ họ của bà mẹ chồng Lỗ Thị với một ngụ ý sâu xa?

4.4. Đặt tên nhân vật bằng tên chim muông hoa cỏ và các hiện tượng thiên nhiên

Trong tác phẩm, chúng ta còn bắt gặp một số cái tên nhân vật bằng danh từ chỉ các loài chim thú quý, hoa cỏ đẹp, hoặc các hiện tượng thiên nhiên, như Điều Nhi Hàn, Anh Vũ Hàn, Tư Mã Phượng, Tư Mã Hoàng, Sa Nguyệt Lượng, Sa Táo Hoa. Trong đó, *điều* chỉ chung cho các loài chim, 鸚鵡 *anh vũ* và 凤凰 *phượng hoàng* là tên hai loài chim quý. Anh vũ nổi tiếng là loài chim có màu lông đẹp, hót hay mà lại hay hót. Nhắc đến hai chữ *anh vũ*, người ta lại liên tưởng đến câu thơ nổi tiếng trong bài Hoàng hạc lâu của Thôi Hạo đời Đường 芳草萋萋鸚鵡洲 *Phượng thảo thê thê Anh Vũ châu* (cỏ thơm xanh biếc trải dài bên Anh Vũ). Phượng hoàng là chúa tể các loài chim, con trống là phượng, con mái là hoàng, hay như 月亮 *Nguyệt lượng* là trăng, 枣花 *táo hoa* là hoa táo... Những cái tên đó một mặt thể hiện ước vọng về cái đẹp của cuộc sống, mặt khác thể hiện quan niệm con người và thiên nhiên hòa đồng (thiên, địa, nhân nhất thể) của người Trung Quốc. Theo quan niệm âm dương, ngũ hành của người Trung Quốc, điều (chim) tượng

dương, biểu trưng cho đàn ông, con trai, vì vậy mà có những cái tên nam nhi rất đẹp như Điểu Nhi Hàn (鸟儿韩), Anh Vũ Hàn (鸢鹉韩). Hoa tượng âm, biểu trưng cho con gái, vì vậy mà có tên dành cho nữ nhi như Sa Táo Hoa. Tùy theo tính chất của từng loài chim mà người ta thường chọn những tên chim đẹp, hót hay làm tên con gái, tên những loài chim lớn, có sức mạnh đặt tên cho con trai. Tuy nhiên, ngoài thông lệ cũng có ngoại lệ, những cái tên không theo thông lệ thường là sự thể hiện dụng ý của người đặt tên. Qua tư duy liên tưởng, độc giả có thể lĩnh hội được mâu thuẫn giữa ngữ nghĩa của tên gọi và bản chất đối tượng được đặt tên.

4.5. Tên nhân vật gợi nhớ đến các danh nhân trong lịch sử

Những cái tên như Lỗ Lập Nhân (鲁立人), tức Tưởng Lập Nhân (蒋立人), sau đổi thành Lý Đỗ (李杜) là tên của cùng một nhân vật đã từng đảm nhận những chức vụ quan trọng như Chính ủy đại đội kháng Nhật, Phó chủ tịch rồi lên Chủ tịch huyện Cao Đông, sau đó là Giám đốc nông trường. Trong những cái tên mang tính hoài cổ đó, Lý Đỗ gợi cho độc giả nhớ về Lý Bạch (李白) – ông tiên của thơ ca (thi tiên) và Đỗ Phủ (杜甫) – vị thánh của thơ ca (thi thánh), đồng thời cũng nhớ về Lý Thương Ẩn (李商隐) và Đỗ Mục (杜牧) đời Đường. Để khu biệt hai cặp thi nhân ấy, người ta gọi Lý Bạch và Đỗ Phủ là Đại Lý Đỗ, Lý Thương Ẩn và Đỗ Mục là Tiểu Lý Đỗ. Một nhân vật sau nhiều lần thay tên đổi họ, nhưng giữa những cái tên đó đều có mối liên hệ sâu xa về ý nghĩa, thể hiện lòng ngưỡng mộ những đỉnh cao trong hàng ngàn hàng vạn nhà thơ đời Đường. Lỗ Lập Nhân hay Tưởng Lập Nhân lại khiến độc giả liên tưởng đến Chu Thụ Nhân – một trong 190 cái tên và bút danh của Lỗ Tấn lúc sinh thời. Những cái tên đó phần nào có giá trị nối kết quá khứ với hiện tại, đồng thời cũng rất phù hợp với tâm lý xã hội, tâm lý dân tộc trong đời sống thực tế.

Ngoài ra, những cái tên như Lỗ Thắng Lợi – tên con gái của cặp vợ chồng Lỗ Lập Nhân và Thượng Quan Phán Đê, hay Tôn Bất Ngôn (不言 *bất ngôn* nghĩa là không nói) – tên một anh quân nhân thương tật sinh ra hai con trai một đứa mang tên Đại Á, một đứa mang tên Nhị Á (哑 á nghĩa là câm, khản giọng),... đều là những cái tên có quan hệ về mặt ý nghĩa giữa hai thế hệ cha và con, thu hút sự chú ý của độc giả và không tách rời dụng ý của tác giả.

Từ những phân tích trên đây, có thể thấy, tên nhân vật trong “Báu vật của đời” góp phần phản ánh chân thực diện mạo xã hội và hoàn toàn phù hợp với những cái tên trong cuộc sống thực tế, khiến người đọc cảm thấy gần gũi khi tiếp xúc với nhân vật trong tác phẩm. Trong phạm vi một tác phẩm, tên nhân vật tuy không phổ quát hết đặc điểm tên nhân vật trong văn học nói chung và văn học Trung Quốc nói riêng, nhưng những cơ sở định danh nhân vật được Mạc Ngôn sử dụng đều tuân thủ lý thuyết định danh, hơn thế nữa, nó còn là một thủ pháp nghệ thuật góp phần đặc lực vào việc xây dựng nhân vật với những đặc trưng ngoại hình, tính cách và cũng thể hiện được nguyện vọng, tâm lý và phù hợp với môi trường xã hội mà nhân vật sinh sống. Các tên gọi trong chùng mực nhất định, đã phản ánh quan hệ huyết thống thể hiện qua hình thức ngôn từ hoặc ngữ nghĩa của một hoặc nhiều thành tố hợp thành tên gọi, như Kim Đồng và Ngọc Nữ là tên của cặp anh em song sinh, Tư Mã Phượng và Tư Mã Hoàng là hai con gái của Tư Mã Khố, Thượng Quan Thạ Hỷ và Thượng Quan Phúc Lộc hội hợp đủ tam đa phúc – lộc – thọ, tứ quý phúc – lộc – thọ – hỷ, thể hiện ước vọng về một cuộc sống đủ đầy, mỹ mãn của con người. Đặc biệt là tên bảy cô con gái đầu và cặp song sinh cuối cùng một trai một gái mang tên Kim Đồng – Ngọc Nữ của Lỗ Thị có quan hệ rất rõ nét về cấu trúc và ý nghĩa, phản ánh tính có lý do của tên nhân vật. Ngoài ra, việc sử dụng tên chim muông

hoa cỏ, tên các hiện tượng thiên nhiên hay các thiên thể và các loại ngọc quý làm tên nhân vật còn thể hiện vẻ đẹp thẩm mỹ cũng như quan niệm thiên, địa, nhân nhất thể của người Trung Quốc.

5. Kết luận

“Báu vật của đời” - tác phẩm xuất sắc đã hội tụ đầy đủ và bộc lộ rõ nét những tinh hoa trong tư tưởng cũng bút pháp nghệ thuật của nhà văn Mạc Ngôn. Một trong những thành công về mặt xây dựng nhân vật nhằm thể hiện tư tưởng nội dung tác phẩm của Mạc Ngôn là sự dày công lựa chọn từng từ, từng chữ mang hàm ý sâu sắc, tinh tế để đặt tên cho nhân vật của mình. Ngay từ bút danh của tác giả cũng đã nói lên điều đó. Những cái tên trong tác phẩm đong đầy mâu thuẫn, như chính mâu thuẫn tiềm ẩn trong xã hội. Các nhà văn Trung Quốc có lợi thế lớn trong việc tận dụng tên, họ, cách gọi nhân vật để truyền tải dụng ý nghệ thuật của mình bằng việc khai thác tính chất biểu ý của chữ Hán, khiến cho tên nhân vật càng thêm ý vị sâu xa, có khi đạt tới mức ý tại ngôn ngoại. Để lĩnh hội được ngụ ý mà tác giả thể hiện trong việc xây dựng tên nhân vật, độc giả cần dành thời gian suy ngẫm, tìm ra mối liên hệ giữa tên gọi và số phận của nhân vật cũng như nội dung tư tưởng mà tác giả gửi gắm trong toàn tác phẩm, từ đó, cảm nhận về tính sáng tạo độc đáo, ý nhị, thâm thúy và tài năng nghệ thuật của nhà văn. Nghệ thuật đặt tên nhân vật trong tác phẩm có thể coi là một trong những thủ pháp tu từ, phát huy hiệu quả to lớn trong việc thể hiện tư tưởng nội dung của tác phẩm. Vì vậy, nghiên cứu đặc điểm tên gọi nhân vật trong tác phẩm của Mạc Ngôn cũng như trong tác phẩm văn học Trung Quốc, cần phải dựa trên cơ sở lý thuyết về định danh nhân vật, đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa dân tộc và nguyên tắc sáng tác để lí giải chính xác hàm ý của tên nhân vật trong tương quan với tư tưởng chủ đề tác phẩm và dụng ý của

nhà văn, qua đó thấy được diện mạo xã hội của từng thời kỳ lịch sử. Nghiên cứu tên nhân vật trong tác phẩm văn học không những có giá trị ứng dụng cao về nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn tự, đặc biệt là từ vựng học, mà còn có giá trị về mặt văn hóa. Tất cả nhằm giúp cho độc giả tìm đến chân giá trị của tác phẩm.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- Nguyễn Thanh Dung (2016). Đặc điểm định danh của thuật ngữ âm nhạc tiếng Việt. *Ngôn ngữ và Đời sống*, 3, 14-17.
- Nguyễn Thiện Giáp (2014). *Nghĩa học Việt ngữ*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Mai Thị Loan (2011). Đặc điểm định danh của thuật ngữ sở hữu trí tuệ tiếng Việt. *Ngôn ngữ*, 6, 18-26.
- Vương Thị Thu Minh (2005). Định danh và ngữ nghĩa của thuật ngữ Y học cơ bản tiếng Anh. *Ngôn ngữ và đời sống*, 11, 31-35.
- Hà Quang Năng (2013). Đặc điểm định danh thuật ngữ. *Từ điển học và Bách khoa thư*, 4, 4-20.
- Trần Duy Thanh (2013). Nhà văn Nguyễn Minh Châu đặt tên nhân vật. *Văn nghệ Quân đội*. Nguồn: <http://vannghequandoi.com.vn/Phe-binh-van-nghe/Nha-van-Nguyen-Minh-Chau-dat-ten-nhan-vat-881.html>
- Lê Quang Thiêm (2008). *Ngữ nghĩa học*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Đức Tồn (2010). Một số vấn đề về nghiên cứu, xây dựng và chuẩn hóa thuật ngữ tiếng Việt trong thời kỳ hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay. *Ngôn ngữ*, 1, 1-10.

Tiếng Trung Quốc

- 吴锋文、江琼、郑晓诗等人 (2013). 《〈水浒传〉与〈红楼梦〉人物命名之比较》, 信阳师范学院文学院学报.
- 左赔、施平 (1992). 《试论中外文学作品中的物人物命名》, 上海海运学院学报.
- 夏中华, 任丽芬 (2007). 《〈呐喊〉、〈彷徨〉人物命名的修辞艺术》, 锦州师院学报, 哲学社会科学版.
- 李静文 (2015). 《巴金小说〈家〉人物命名的修辞手段》, 山东曲阜学院学报.
- 刘平清 (1995). 《试论鲁迅小说命名问题》, 鲁迅研究月刊.
- 王海峰 (2006). 《鲁迅作品中人物的取名艺术》, 陕西大学出版社.
- 王同亿 (1993). 《新现代汉语词典》, 海南出版社.

NAMING CHARACTERS - AN ARTISTIC TECHNIQUE IN COMPOSING LITERARY WORKS (IN “BIG BREASTS AND WIDE HIPS” BY MO YAN)

Pham Ngoc Ham¹, Pham Huu Khuong²

¹*Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*Hanoi Metropolitan University, 98 Duong Quang Ham, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: A character is the soul of a literary work. During the writing process, a writer is much concerned about choosing names for their characters. Naming characters is considered an artistic device to convey content and ideas in literary works. “Big Breasts and Wide Hips” by Mo Yan is well-known in Chinese literature, and even in Vietnam. Characters’ names in “Big Breasts and Wide Hips” are meaningful and concise, urging the readers to ponder. The article attempts to clarify characteristics of over 20 characters’ names in this work and to highlight the significance of naming characters in expressing ideas and content of literary works as well as the writer’s talents.

Keywords: naming, nomenclature, “Big Breasts and Wide Hips”, Mo Yan